

Quảng Trị, ngày 19 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim N**; sinh năm 1995; Số CCCD: 045195006***; Địa chỉ: Số ** đường LTT, khối A, xã KS, tỉnh Quảng Trị;

Bị đơn: Anh **Trương Văn D**; sinh năm 1990; Số CCCD: 045090000***; Địa chỉ: Số ** đường LTT, khối A, xã KS, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Trương Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Trương Văn D thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2014, quyển số 01/2014 ngày 13/5/2014 tại UBND thị trấn KS, (nay là xã Khe Sanh), tỉnh Quảng Trị)

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Trương Văn D có 02 con chung là cháu Trương Văn H, sinh ngày 10/3/2015 và cháu Trương Thị Kỳ D, sinh ngày 28/10/2020. Khi ly hôn, giao hai cháu Trương Văn H và Trương Thị Kỳ D cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Trương Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền

5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)/tháng/2 con. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Trương Văn D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh Trương Văn D thực hiện quyền này.

2.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Trương Văn D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N thỏa thuận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị Nguyễn Thị Kim N đã nộp là 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23; số 0000879 ngày 30 tháng 7 năm 2025. Chị Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 7-Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã KS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Quang Sơn